

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 47/2024/NQ-HĐND

Bắc Giang, ngày 12 tháng 7 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức,
người lao động đôi đư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã
trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 18**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật Sửa đổi,
bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25
tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12 tháng 7 năm 2023 của
Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc Sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp
xã giai đoạn 2023-2030;*

*Căn cứ Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2015 của
Chính phủ Quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về
tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ
quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội;*

*Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của
Chính phủ Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;*

*Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của
Chính phủ Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;*

*Căn cứ Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính
phủ Về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước và
đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 3 tháng 6 năm 2023 của Chính
phủ Quy định về tình giản biên chế;*

Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ Quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Xét Tờ trình số 214/TTr-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về đối tượng, nguyên tắc, mức hỗ trợ, thời gian hưởng, trình tự thực hiện hỗ trợ, nguồn kinh phí thực hiện chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cán bộ, công chức cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc;

b) Cán bộ, công chức, viên chức, người làm việc theo chế độ hợp đồng không xác định thời hạn (người lao động) trong cơ quan của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập, các hội đặc thù có giao biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện ở thành phố Bắc Giang và huyện Yên Dũng nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc;

c) Cán bộ, công chức, viên chức thuộc thành phố Bắc Giang còn thời gian công tác trên 5 năm (60 tháng) và trong thời gian 01 năm (12 tháng) kể từ ngày Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội có hiệu lực được điều động hoặc biệt phái của cấp có thẩm quyền đến làm việc trong cơ quan của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội thuộc thị xã Chũ và huyện Lục Ngạn (sau khi được thành lập), trừ đối tượng thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Giải quyết chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức cấp xã dôi dư theo thứ tự ưu tiên: Ở đơn vị hành chính cấp xã có sắp xếp; còn chỉ tiêu dôi dư thì giải quyết đến đơn vị hành chính cấp xã khác trên cùng địa bàn cấp huyện; người nghỉ hưu trước tuổi (*ưu tiên người có tuổi cao hơn*); người thôi việc (*ưu tiên người có số năm đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc cao hơn*).

2. Không áp dụng chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã còn thời gian công tác dưới 06 tháng tính đến ngày đủ tuổi nghỉ hưu hoặc nghỉ việc; chưa

hoàn thành việc thanh toán các khoản tiền, tài sản thuộc trách nhiệm của cá nhân đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị; tự ý thôi việc hoặc bị xử lý kỷ luật buộc thôi việc.

3. Trong thời hạn 5 năm (60 tháng) kể từ ngày nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc, người đã hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này, nếu được bầu cử, tuyển dụng lại vào các cơ quan, tổ chức, đơn vị hưởng lương từ ngân sách nhà nước thì phải hoàn trả lại số tiền hỗ trợ cho cơ quan, tổ chức, đơn vị đã chi trả hỗ trợ.

4. Đối tượng đang hưởng hỗ trợ tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết này được điều động sang cơ quan, tổ chức, đơn vị khác không phải là cơ quan của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội thuộc thị xã Chũ và huyện Lục Ngạn thì không được hưởng hỗ trợ kể từ ngày quyết định điều động có hiệu lực.

Điều 3. Mức hỗ trợ, thời gian hưởng hỗ trợ

1. Đối tượng quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này, ngoài hưởng các chế độ chính sách theo quy định của pháp luật hiện hành, còn được hưởng chính sách hỗ trợ một lần gồm:

a) Người nghỉ hưu trước tuổi: Được hỗ trợ 1/2 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi tháng nghỉ hưu trước tuổi, tối đa không quá 200.000.000 đồng/người;

b) Người thôi việc: Được hỗ trợ 1/2 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi tháng làm việc có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc; được hỗ trợ một lần tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo mức lương hiện hưởng đến khi đủ 20 năm (*phần nhà nước đóng*); tối đa không quá 200.000.000 đồng/người.

2. Đối tượng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này:

a) Được hỗ trợ tiền đi lại và nhà ở: 7.000.000 đồng/tháng cho người đến công tác tại huyện Lục Ngạn; 5.000.000 đồng/tháng cho người đến công tác tại thị xã Chũ.

b) Thời gian hưởng hỗ trợ: Người điều động được hưởng hỗ trợ 5 năm (60 tháng) tính từ ngày quyết định điều động có hiệu lực. Người biệt phái được hưởng hỗ trợ theo thời gian biệt phái, tính từ ngày quyết định biệt phái có hiệu lực.

Điều 4. Trình tự thực hiện hỗ trợ

1. Đối tượng nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc

a) Phòng Nội vụ tiếp nhận danh sách, rà soát tính toán kinh phí hỗ trợ người thuộc cơ quan của Đảng, tổ chức chính trị - xã hội, Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, các hội đặc thù cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát danh sách, tính toán kinh phí hỗ trợ cán bộ, công chức cấp xã gửi đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện lập danh sách người đủ điều kiện, dự toán kinh phí hỗ trợ gửi về Sở Nội vụ;

Sở Nội vụ phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy thẩm định đối tượng và Sở Tài chính thẩm định kinh phí, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt danh sách, kinh phí hỗ trợ.

b) Việc thực hiện hỗ trợ cho đối tượng quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này thực hiện đồng thời khi giải quyết chế độ theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế và Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội.

2. Đối tượng hỗ trợ hằng tháng

Cơ quan, đơn vị tiếp nhận người điều động, biệt phái lập danh sách chi trả kinh phí hỗ trợ hằng tháng theo quyết định của cấp có thẩm quyền và lập dự toán ngân sách hằng năm gửi phòng Tài chính - kế hoạch rà soát, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện dự toán kinh phí hỗ trợ.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo Sở Tài chính thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện chính sách

Kinh phí giải quyết chính sách hỗ trợ cho đối tượng quy định tại Nghị quyết này do ngân sách tỉnh đảm bảo.

Điều 6. Điều khoản thi hành

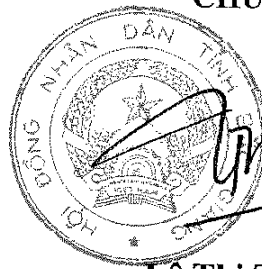
Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang, Khóa XIX, Kỳ họp thứ 18 thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030. / *Đn*

Nơi nhận: *TH*

- Ủy Ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Vụ pháp chế Bộ Tài chính, Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Bắc Giang;
- Ủy ban MTTQVN và các tổ chức chính trị-xã hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khóa XIX;
- Các cơ quan, sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Thường trực: Huyện ủy, Thành ủy, Thị ủy; HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Các tổ chức xã hội-nghề nghiệp tỉnh;
- Công thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm thông tin, Văn phòng UBND tỉnh;
- Lãnh đạo, chuyên viên VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT. CTHĐND.

CHỦ TỊCH



Lê Thị Thu Hồng